

Số: 944 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 18 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Xây dựng khu dân cư số 1 xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2)”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 593/TTr-TNMT ngày 13/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng khu dân cư số 1 xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2)” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Lạng Giang, UBND xã Mỹ Hà; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Binh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ SỐ 1, XÃ MỸ HÀ
HUYỆN LẠNG GIANG (GIAI ĐOẠN 2)**

(Kèm theo Quyết định số 944 /QĐ-UBND ngày 18 /9/2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Xây dựng khu dân cư số 1 xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2).

- Địa điểm thực hiện: Xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án thuộc địa phận thôn Đồi và thôn Trung Phố, xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trên khu đất có diện tích khoảng 7,1 ha với quy mô dân số khoảng 768 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc, khuôn viên cây xanh.

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 thì Dự án có tổng diện tích thu hồi là 6,8 ha, trong đó diện tích đất lúa là 6,5 ha.

Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thì tổng diện tích đất thực hiện dự án khoảng 7,1 ha, trong đó đã thu hồi, giải phóng mặt bằng 0,8 ha tại dự án “Xây dựng khu dân cư số 1 xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (giai đoạn 1)”, diện tích thu hồi đất của dự án “Xây dựng khu dân cư số 1 xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2)” còn phải thu hồi khoảng 6,3 ha, trong đó có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa khoảng 5,52 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư: Dự án chiếm dụng khoảng 71.000,1m² đất, trong đó đất trồng lúa khoảng 63.841,91m²; đất ở tại nông thôn: 678,3m²; đất giao thông khoảng: 1.816,2m²; đất nghĩa địa khoảng: 20,09m²; đất

thuỷ lợi khoảng: 2.074,9m²; đất trồng cây ăn quả lâu năm khoảng: 1.293,3m²; đất nuôi trồng thuỷ hải sản nước ngọt: 1.276,3m².

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất;

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: phát quang thực vật, phá dỡ, dịch chuyển các công trình hiện hữu,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Từ hoạt động đào đắp, san nền;

++ Từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đất đắp nền;

++ Từ hoạt động của các phương tiện thi công xây dựng;

++ Từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu;

++ Từ hoạt động thổi bụi làm sạch mặt đường trước khi dải nhựa

++ Từ quá trình hàn;

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền; từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng; từ hoạt động phát quang thảm thực vật và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các hộ dân, khu công cộng.

+ Phát sinh nước thải, rác thải, bụi, khí thải nhà bếp từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày;

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực.

+ Chất thải nguy hại gồm dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin thải,...

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Sự cố vỡ đường ống cấp nước, thoát nước của khu dân cư

+ Nguy cơ chập cháy hệ thống điện; nguy cơ tai nạn giao thông,...

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo các chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh vào khoảng 04 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms...

+ Nước thải thi công bao gồm từ quá trình vệ sinh dụng cụ, máy móc thiết bị phục vụ thi công, rửa vật liệu xây dựng... phát sinh khoảng 2,1-2,4 m³/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh từ đào đắp, san gạt mặt bằng dự án, từ bốc dỡ nguyên vật liệu. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng, đất san lấp; từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, SO₂, NO₂, VOC_s...

+ Bụi, khí thải từ hoạt động thổi bụi làm sạch mặt đường trước khi rải nhựa và trải bê tông nhựa. Thông số ô nhiễm đặc trưng là Bụi, VOC_s...

+ Bụi, khí thải từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 20 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang thực vật phát sinh khoảng 20 tấn, từ phá dỡ công trình hiện trạng phát sinh khoảng 03 tấn. Thành phần chủ yếu là cây cối, hoa màu, gạch, bê tông vỡ...

Đất đào, bóc hữu cơ phát sinh khoảng 2.792 m³ được tận dụng bổ sung cho khu vực trồng cây xanh. Đất đào rãnh thoát nước, đào móng công trình phát sinh khoảng 1,5 tấn.

Chất thải xây dựng phát sinh sử dụng nguyên vật liệu thi công xây dựng phát sinh khoảng 0,07 tấn/ngày, bao gồm vật liệu thừa, đất đá do xây dựng, nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao bì, thùng gỗ,...

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, máy móc thi công xây dựng như giẻ lau dính dầu mỡ, dầu tổng hợp thải, que hàn thải, ... phát sinh khoảng 442 kg/năm.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị xây dựng, thi công các hạng mục công trình dự án, vận chuyển nguyên vật liệu. Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động do thu hồi đất, chiếm dụng, bồi thường giải phóng mặt bằng: ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, dịch vụ; chiếm dụng kênh mương thủy lợi, chiếm dụng các tuyến đường nội đồng, di chuyển hệ thống đường điện, tác động đến đê điều, kênh tiêu ngoài phạm vi dự án; tác động lên hệ thống giao thông khu vực, tác động lên kinh tế xã hội khu vực; tác động đến giao thông; tác động đến an toàn lao động, sức khỏe cộng đồng...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; tai nạn giao thông; cháy nổ; các rủi ro, sự cố do thiên tai, ngập úng, lũ lụt; sự cố bom mìn tồn lưu; sự cố sụt lún tường chắn, taluy đất đắp....

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, từ công trình cộng đồng dịch vụ trong khu vực dự án phát sinh khoảng 123,44 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, Amoni, tổng Coliforms...

+ Nước mưa chảy tràn: nước mưa chảy tràn qua trên mặt bằng sân, mái nhà, đường giao thông của dự án kéo theo bụi bẩn từ mái nhà, sân bãi, đường đi xuống hệ thống thoát nước.

- Bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂...;

+ Khí thải từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO₂, NO_x, THC...

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ với thông số ô nhiễm đặc trưng: CHF₃, CH₂F₂, C₄F₁₀,...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư khoảng 384 kg/ngày. Bùn thải phát sinh từ các bể tự hoại của các công trình khoảng 30,72 m³/năm.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Chất thải từ quá trình cắt tỉa cành cây xanh phát sinh khoảng 10 m³/năm (sau 05 năm trồng cây mới phải cắt tỉa cành vào mùa mưa bão);

+ Bùn và rác thải phát sinh từ quá trình nạo vét hố ga, rãnh tiêu thoát nước phát sinh khoảng 2,65 m³/06 tháng.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu dân cư như dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin thải,...phát sinh tối đa khoảng 576 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông; từ hoạt động kinh doanh của một số hộ gia đình, ...

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; an ninh trật tự,...
- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố bão lụt, ngập úng; sự cố đường ống cấp thoát nước,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Xây dựng 01 nhà vệ sinh tạm có bể tự hoại 3 ngăn dung tích 10m³ đặt gần khu vực lán trại công nhân. Định kỳ bổ sung chế phẩm sinh học (Microphot - dạng bột) 02 tháng/lần vào bể tự hoại với liều lượng 100g cho 1m³ bể. Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải thi công

+ Bố trí khu chứa và trộn nguyên vật liệu riêng để hạn chế phát tán tràn lan nước thải thi công ra môi trường. Sử dụng nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường.

+ Bố trí khoảng 02 đến 03 thùng phuy chứa nước phục vụ rửa dụng cụ, sau đó nước này được tận dụng cho phối trộn vật liệu xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn:

Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công xây dựng theo độ dốc tự nhiên để thu gom nước mưa tránh chảy tràn lan ra bên ngoài. Trên các tuyến thoát nước mưa tạm thời bố trí hố lắng kích thước (1x1x1,2)m. Định kỳ 06 tháng/lần nạo vét tuyến thoát nước mưa, hố lắng.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí xe tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất san lấp mặt bằng đến khu vực dự án đoạn qua khu đông dân cư, trường học, tưới nước trên khu vực thi công, khu vực bãi tập kết với tần suất tưới nước từ 2-4 lần/ngày. Tiêu chuẩn nước tưới đường 0,5 lít/m² (theo tiêu chuẩn Việt Nam TCXD33-2006).

- Đặt biển báo công trường đang thi công và cử người hướng dẫn phương tiện lưu thông qua khu vực dự án.

- Không sử dụng phương tiện chuyên chở đất đá quá cũ và không chở vật liệu quá đầy, quá tải, thùng xe phải có bạt che phủ kín trong quá trình vận chuyển.

- Lắp dựng tường tôn cao 3m xung quanh khu vực thi công cách ly khu vực thi công với xung quanh.

- Bố trí khu vực rửa xe tại cổng công trường, thực hiện xịt rửa thành xe, bánh xe trước khi ra khỏi công trường.

- Bố trí công nhân thu gom đất, đá, vật liệu rơi vãi trên đường, hạn chế phát tán bụi, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại dự án như: Kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ...

- Tưới ẩm nhiều lần cho tâm móng liên tục trong vài ngày trước khi trải nhựa; khi thi công qua khu vực đông dân cư hạn chế thổi bụi công suất lớn, tiến hành phun nước khoan vùng hạn chế bụi khuếch tán rộng.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng rác có nắp đậy dung tích 120 Lít để công nhân thải bỏ chất thải khi phát sinh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến vận chuyển mang đi xử lý hàng ngày.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Từ quá trình phát quang thực vật được tạo điều kiện cho người dân có đất tận dụng tối đa; Phần chất thải còn lại không tận dụng được và đất đá từ phá dỡ công trình được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định, tần suất 3 tháng/lần.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 03 thùng phuy chứa loại dung tích 200 lít đặt trong kho chất thải nguy hại diện tích 6 m² để lưu giữ chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng máy móc thiết bị cũ lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Máy móc thiết bị đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ đảm bảo hoạt động hiệu quả,

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

- Không sử dụng máy đầm rung, lu rung gây rung động lớn, ảnh hưởng đến kết cấu công trình hiện trạng.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, bố trí lịch thi công phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn theo quy chuẩn hiện hành.

- Sử dụng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su, đệm đàn hồi cao su,... được lắp giữa máy và bộ máy đồng thời định kỳ kiểm tra hoặc thay thế.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Kết hợp với chính quyền địa phương quản lý công nhân lưu trú trên địa bàn.

- Thuê đơn vị có chức năng rà phá bom mìn trước khi tiến hành san lấp và xây dựng.

- Đặt các biển cảnh báo cho người dân trong vùng biết công trường đang thi công, khu vực xe ra vào thường xuyên để người dân cảnh giác tránh gây các trường hợp tai nạn giao thông xảy ra.

- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại các kho (bình bọt, bình CO₂, cát, hồ nước,...).

- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động tham gia thi công xây dựng đúng quy định.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét các mương thoát nước tạm xung quanh khu vực dự án để hạn chế sự tắc nghẽn.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải từ các hộ dân được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại rồi thu về các rãnh thoát nước B400 phía sau nhà, thu về hố ga theo hệ thống cống thoát nước HDPE D300 gân xoắn 2 lớp; thoát theo hướng từ Nam lên Bắc;

+ Đối với các LK-01, LK-02, LK-05, LK-09: Nước thải từ các hộ dân khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ thoát vào rãnh thu B400 sau nhà, thu về hố ga theo hệ thống cống thoát nước HDPE D300 gân xoắn 2 lớp; thoát theo hướng từ Nam lên Bắc. Các ống HDPE D300 sẽ thu về ống chờ D300 để đấu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải của dự án “Xây dựng khu dân cư số 1 xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (giai đoạn 3)” theo quy hoạch chung (đường ống chờ được đặt cạnh khu đất cây xanh thể thao trung tâm phía Đông Bắc của khu vực quy hoạch).

+ Đối với các LK-06, LK-07, LK-08: Nước thải từ các hộ dân sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ thoát vào rãnh B400 sau nhà, thu về hố ga theo hệ thống cống thoát nước HDPE D300 gân xoắn 2 lớp; thoát theo hướng từ Nam lên Bắc. Các ống HDPE D300 sẽ thu về ống chờ D300 để đấu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải của dự án “Xây dựng khu dân cư số 1 xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (giai đoạn 3)” theo quy hoạch chung (đường ống chờ được đặt cạnh khu nghĩa trang liệt sỹ của xã nằm ở phía Đông Bắc dự án).

Toàn bộ nước thải của khu vực theo quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang tỷ lệ 1/500 được phê duyệt tại Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND huyện Lạng Giang được thu gom về bể xử lý nước thải cục bộ. Để đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, UBND huyện Lạng Giang cam kết đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung công suất 220 m³/ngày đảm bảo tiếp nhận nước thải sinh hoạt phát sinh của khu dân cư số 1 xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (Công văn số 168/UBND-QLDA ngày 06/7/2022 của UBND huyện Lạng Giang).

Vị trí trạm xử lý nước thải tại khu đất hạ tầng kỹ thuật phía Bắc thuộc Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (thuộc phạm vi dự án Xây dựng khu dân cư số 1 xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (giai đoạn 3)) có tiến độ triển khai: Quý III năm 2024 hoàn thành xây dựng hệ thống cống rãnh thu gom nước thải và ưu tiên xây dựng phần trạm xử lý nước thải tập trung; phù hợp với tiến độ dự án Xây dựng khu dân cư số 1 xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2) có tiến độ hoàn thành hệ thống cống, rãnh thu gom nước thải trong quý I

năm 2024, chờ đến quý I năm 2025 để đấu nối về trạm xử lý nước thải công suất 220 m³/ngày nêu trên (theo Công văn số 168/UBND-QLDA ngày 06/7/2022 của UBND huyện Lạng Giang).

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn phát sinh được thu gom vào đường ống thoát nước mưa D400 đến D1000, B1000 thoát nước theo 2 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: thoát theo hướng từ Nam lên Bắc theo theo hệ thống hố ga thu nước mưa trên mặt đường và các lô đất thuộc LK-08 thu gom vào hệ thống cống tròn BTCT ly tâm có đường kính D400-D800. Trong giai đoạn chờ đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của dự án Xây dựng khu dân cư số 1 xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (giai đoạn 3) nước mưa sẽ được thu gom vào hệ thống ống chờ D800 thoát vào mương đất hiện trạng cạnh khu cây cảnh thể thao trung tâm ở phía Đông Bắc dự án theo quy hoạch.

+ Lưu vực 2: Có 2 hướng thoát nước mưa:

++ Hướng thoát 1: Thoát từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam theo hệ thống hố ga thu nước mưa trên mặt đường và các lô đất thuộc LK-02, LK-05, LK-06, LK-07, LK-09 thu gom vào hệ thống cống tròn BTCT ly tâm có đường kính từ D400-D1000.

++ Hướng thoát 2: Thoát theo hướng từ Nam lên Bắc theo đường ống D600 thu nước mặt LK-01 sau đó đấu nối với hố ga thu nước mưa thuộc dự án “Xây dựng khu dân cư số 1 xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (giai đoạn 1)” .

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc các tuyến đường trong khu vực dự án để giảm thiểu bụi và tiếng ồn tạo môi trường vi khí hậu trong lành.

- Các tuyến đường chính, đường liên khu vực trong khu vực dự án được trải bê tông nhựa.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

* Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Đối với biện pháp thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, bố trí khoảng 40 thùng chứa rác, dung tích 240l/thùng bố trí trên các trục đường phố hoặc nơi công cộng trên vỉa hè, cách nhau khoảng 100m để người dân thuận tiện bỏ rác. Hàng ngày, rác thải của khu dân cư được đơn vị vệ sinh môi trường đến thu gom đến ga rác của khu vực quy hoạch đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật phía Bắc theo quy hoạch chi tiết 1/500, và được xe thu gom của đơn vị vệ sinh môi trường đến vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn tập trung của xã để xử lý.

- Các hộ gia đình tự bố trí thùng rác ngay nơi phát sinh (nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh) để thu gom rác thải; tự thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom, xử lý bùn cặn từ bể tự hoại của gia đình mình.

- Đối với chất thải rắn từ quá trình duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án:

+ Bùn đất, cây cối, vật liệu xây dựng, gạch đá phá dỡ, sửa chữa công trình được đơn vị được bàn giao quản lý dự án thuê các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý tần suất đối với bùn nạo vét thu gom 06 tháng/lần, đối với các loại chất thải còn lại thu gom ngay khi phát sinh.

+ Bê tông bong tróc do sửa chữa đường, được tái sử dụng: đơn vị được bàn giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành duy tu bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo công tác bảo vệ môi trường.

+ Chất thải từ nạo vét cống rãnh bằng các xe có thùng kín, không để rò rỉ, rơi vãi chất thải ra đường.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh tại các hộ gia đình: Các hộ gia đình có trách nhiệm tự thực hiện thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

- Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại, tuyên truyền cho người dân sinh sống trong khu dân cư để người dân thu gom chất thải nguy hại và quản lý theo quy định hiện hành.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng cây xanh xung quanh dự án. Cây xanh được trồng vây quanh dự án có tác dụng hấp thu tiếng ồn, chặn sự di chuyển của chất ô nhiễm từ đường giao thông bên cạnh tới dự án, đồng thời tạo cảnh quan đẹp, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Mạng lưới cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy của khu vực thực hiện dự án được tổ chức theo mạng lưới vòng, chung với hệ thống cấp nước, đảm bảo cấp nước cho phòng cháy chữa cháy được tốt nhất.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường cống thoát nước, tránh tắc, ứ đọng (kiểm tra hàng ngày và khi trời mưa).

- Thực hiện phân chia làn đường, kẻ vạch đường chỉ dẫn, lắp biển báo giao thông, bật đèn đường chiếu sáng vào ban đêm.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

* Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công xây dựng; 01 vị trí tại khu vực cuối hướng gió, cách điểm thi công khoảng 20m.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải, nước thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 593/TTr-TNMT ngày 13/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.